TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án:248/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2023
V/v tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung".*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Thoa
2. Bà Phan Thị Nga

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Thiện - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 518/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2023/QĐ-ST ngày 15 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 518/2023/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 313, tổ 12, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phú Văn S, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 313, tổ 12, ấp L, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Kim T trình bày: bà quen biết và chung sống với ông Phú Văn S vào năm 2004, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định; chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, ông Sơn thường xuyên gây sự, đánh đập chị, bất đồng quan điểm, hay cự cãi, tính tình

không hợp, không còn sống nhiều năm nay. Nay thấy tình cảm không còn, chị xin ly hôn với ông Phú Văn S.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phú Hoàng M, sinh ngày 21/8/2008 và Phú Hoàng V, sinh ngày 28/12/2009; hiện đag sống cùng bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản sao, Giấy khai sinh 02 con chung; Tờ tự khai và đơn khởi kiện ngày của bà Phạm Thị Kim T ngày 27/3/2023;

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải để động viên các bên có thể giải quyết các bất đồng quan điểm, hàn gắn đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt; phía nguyên đơn đều xác định chị chung sống với ông S từ năm 2004, có 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn kết hôn theo quy định; ông, bà sống hạnh phúc đến khoảng năm 2016 thì phát sinh mâu thuẩn, sống ly thân cho đến nay.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông S; ông S vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến. Các bên không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Ý kiến về giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: bà T và ông S quen biết và chung sống với nhau từ năm 2004, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định; chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẩn, không còn sống chung từ năm 2020 đến nay. Nay thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn với ông S; Xét thấy, do bà T và ông S có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, vi phạm quy định tại các Điều 8, 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nê không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng; Vì vậy, không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

+ Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên Phú Hoàng M, sinh ngày 21/8/2008 và Phú Hoàng V, sinh ngày 28/12/2009; hiện đang sống cùng bà T. Sau

khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, từ khi bà T, ông S ly thân cháu M và cháu V sống với bà T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; bên cạnh đó các cháu có ý kiến được sống cùng mẹ; nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao các cháu cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập.

+ Về tài sản và nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 8, 9, 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

- Không công nhận bà Phạm Thị Kim T và ông Phú Văn S là vợ chồng;

- Giao bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung vợ chồng có 02 con chung tên Phú Hoàng M, sinh ngày 21/8/2008 và Phú Hoàng V, sinh ngày 28/12/2009 đến tuổi trưởng thành, có khả năng lao động. Ông Phú Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn được xác định là quan hệ tranh chấp về *"Ly hôn, nuôi con chung"* quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: bị đơn Phú Văn S có nơi cư trú tại địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện C, tỉnh An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt hợp lệ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho các bên đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất được mở vào ngày 31/8/2023, bị đơn vắng mặt không rõ lý do thuộc trường hợp hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại lần thứ hai ngày 19/9/2023, Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về tính hợp pháp: bà T và ông S quen biết và chung sống với nhau từ năm 2004, không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định, nên hôn nhân không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, vi phạm quy định tại các Điều 8, 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nê không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng;

[2.2] Về tình trạng hôn nhân: Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng giữa bà T và ông S hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, mối quan hệ trở nên căng thẳng, không còn sống chung từ cuối năm 2020 đến nay. Vì vậy, bà T yêu cầu được ly hôn với ông S là phù hợp quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình, nên có căn cứ không công nhận bà T và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung*:* vợ chồng có 02 con chung tên Phú Hoàng M, sinh ngày 21/8/2008 và Phú Hoàng V, sinh ngày 28/12/2009; thời điểm ly thân và hiện nay đang sống cùng bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc, con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Đánh giá, từ khi bà T, ông S ly thân cháu M và cháu V sống với bà T vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần; bên cạnh đó các cháu có ý kiến được sống cùng mẹ; nên cần ổn định cuộc sống của cháu, tiếp tục giao các cháu cho bà Trang chăm sóc, nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập.

[4] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo*:* bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật Tố tụng Dân sự.

[6] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 273; khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Kim T. Không công nhận bà Phạm Thị Kim T và ông Phú Văn S là vợ chồng.

2. Về con chung: giao 02 con chung Phú Hoàng M, sinh ngày 21/8/2008 và Phú Hoàng V, sinh ngày 28/12/2009; cho bà Phạm Thị Kim T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động. Ông Phú Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không có, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007514 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Bà Phạm Thị Kim T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Kim T, ông Phú Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới; Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Huy Phong